

**PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (CNTT) - MH1101073

Mã lớp học phần: 25111MH110107301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 22.9.2025 Giờ thi: 16 giờ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Trương TN Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410010043	Lương Nguyễn Quốc An	19/04/2005	C26TH	<u>VT</u>	<u>VT</u>	<u>VT</u>	
2	2410010039	Dương Nguyễn Quốc Anh	08/06/2006	C26TH	<u>Anh</u>	<u>9.0</u>	<u>chín không</u>	
3	2410010005	Trần Phúc Anh	27/02/2006	C26TH	<u>VT</u>	<u>VT</u>	<u>VT</u>	
4	2410010041	Nguyễn Chí Bảo	02/09/2006	C26TH	<u>Bao</u>	<u>5.0</u>	<u>Năm không</u>	
5	2410010017	Nguyễn Gia Bảo	05/12/2006	C26TH	<u>Bao</u>	<u>5.0</u>	<u>Năm không</u>	
6	2410010019	Võ Lê Hoàng Bảo	23/06/2006	C26TH	<u>Bao</u>	<u>5.0</u>	<u>Năm không</u>	
7	2410010025	Trần Nhật Bằng	11/01/2005	C26TH	<u>Bao</u>	<u>8.0</u>	<u>Tám không</u>	
8	2410010045	Lâm Chí Cường	09/01/2006	C26TH	<u>Cuong</u>	<u>7.0</u>	<u>Bảy không</u>	
9	2410010015	Nguyễn Huỳnh Anh Duy	10/12/2004	C26TH	<u>Duy</u>	<u>5.0</u>	<u>Năm không</u>	
10	2410010016	Phạm Minh Duy	07/02/2006	C26TH	<u>Duy</u>	<u>7.0</u>	<u>Bảy không</u>	
11	2410010044	Nguyễn Thành Đạt	12/12/2004	C26TH	<u>Dat</u>	<u>6.0</u>	<u>Sáu không</u>	
12	2410010035	Trần Nguyễn Phúc Hậu	04/11/1995	C26TH	<u>Hau</u>	<u>7.0</u>	<u>Bảy không</u>	
13	2410010011	Hồ Văn Hoành	31/05/2006	C26TH	<u>Hanh</u>	<u>5.0</u>	<u>Năm không</u>	
14	2410010028	Châu Gia Khang	29/06/2006	C26TH	<u>Khang</u>	<u>5.0</u>	<u>Năm không</u>	
15	2410010008	Nguyễn Duy Khang	01/12/2004	C26TH	<u>Khang</u>	<u>7.0</u>	<u>Bảy không</u>	
16	2410010026	Phạm Nguyên Khang	26/07/2006	C26TH	<u>Khang</u>	<u>5.0</u>	<u>Năm không</u>	
17	2410010018	Võ Hoàng Khải	30/05/2006	C26TH	<u>Khai</u>	<u>7.0</u>	<u>Bảy không</u>	
18	2410010046	Nguyễn Trung Kiên	13/09/2004	C26TH	<u>Kien</u>	<u>5.0</u>	<u>Năm không</u>	
19	2410010029	Huỳnh Anh Kiệt	03/11/2006	C26TH	<u>Kiet</u>	<u>5.0</u>	<u>Năm không</u>	
20	2410010036	Nguyễn Thành Lợi	27/02/2006	C26TH	<u>Loi</u>	<u>5.0</u>	<u>Năm không</u>	
21	2410010021	Nguyễn Phương Nam	21/08/2006	C26TH	<u>Nam</u>	<u>5.0</u>	<u>Năm không</u>	
22	2410010031	Võ Thành Nghĩa	15/03/2006	C26TH	<u>Nghia</u>	<u>6.0</u>	<u>Sáu không</u>	
23	2410010038	Son Tôn Nguyên	04/09/2006	C26TH	<u>Nguyen</u>	<u>5.0</u>	<u>Năm không</u>	
24	2410010042	Nguyễn Lê Hữu Nhân	01/06/2006	C26TH	<u>Nhan</u>	<u>5.0</u>	<u>Năm không</u>	
25	2410010003	Lê Văn Nhựt	08/12/2006	C26TH	<u>Nhut</u>	<u>5.0</u>	<u>Năm không</u>	
26	2410010009	Trần Lê Kim Quyên	29/09/2006	C26TH	<u>Quyên</u>	<u>7.0</u>	<u>Bảy không</u>	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410010023	Đình Văn	Quyền	03/06/2006	C26TH		7.0	Bảy không	
28	2410010032	Nguyễn Thanh	Sang	14/08/2006	C26TH		5.0	Năm không	
29	2410010007	Ngư Trung	Toàn	12/11/2006	C26TH		7.0	Bảy không	
30	2410010024	Nguyễn Tấn	Triết	16/06/2006	C26TH		5.0	Năm không	
31	2410010040	Lê Công	Vinh	03/03/2006	C26TH		5.0	Năm không	
32	2410010004	Võ Thành	Vinh	23/12/1993	C26TH		5.0	Năm không	
33	2410010006	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	19/8/2006	C26TH		7.0	Bảy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 31 vắng thi: 02 . Số bài thi: 31 / _____.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Phạm Quang Kỳ

Ngày 25 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ &
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (CNTT) - MH1101073

Mã lớp học phần: 25111MH110107301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 6.10.2025 Giờ thi: 16 giờ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Trương TN Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410010043	Lương Nguyễn Quốc An	19/04/2005	C26TH	VT	VT	VT	
2	2410010039	Dương Nguyễn Quốc Anh	08/06/2006	C26TH	Anh	7.0	Bảy không	
3	2410010005	Trần Phúc Anh	27/02/2006	C26TH	VT	VT	VT	
4	2410010041	Nguyễn Chí Bảo	02/09/2006	C26TH	VT	7.0	Bảy không	
5	2410010017	Nguyễn Gia Bảo	05/12/2006	C26TH	VT	6.0	Sáu không	
6	2410010019	Võ Lê Hoàng Bảo	23/06/2006	C26TH	VT	6.0	Sáu không	
7	2410010025	Trần Nhật Bằng	11/01/2005	C26TH	B	8.0	Tám không	
8	2410010045	Lâm Chí Cường	09/01/2006	C26TH	Cuong	8.5	Tám năm	
9	2410010015	Nguyễn Huỳnh Anh Duy	10/12/2004	C26TH	Duy	7.0	Bảy không	
10	2410010016	Phạm Minh Duy	07/02/2006	C26TH	D	8.0	Tám không	
11	2410010044	Nguyễn Thành Đạt	12/12/2004	C26TH	Dat	8.0	Tám không	
12	2410010035	Trần Nguyễn Phúc Hậu	04/11/1995	C26TH	H	7.0	Bảy không	
13	2410010011	Hồ Văn Hoành	31/05/2006	C26TH	Hoanh	8.0	Tám không	
14	2410010028	Châu Gia Khang	29/06/2006	C26TH	Khang	6.0	Sáu không	
15	2410010008	Nguyễn Duy Khang	01/12/2004	C26TH	K	9.0	chín không	
16	2410010026	Phạm Nguyên Khang	26/07/2006	C26TH	Khang	6.0	Sáu không	
17	2410010018	Võ Hoàng Khải	30/05/2006	C26TH	K	8.0	Tám không	
18	2410010046	Nguyễn Trung Kiên	13/09/2004	C26TH	Kien	6.0	Sáu không	
19	2410010029	Huỳnh Anh Kiệt	03/11/2006	C26TH	K	7.0	Bảy không	
20	2410010036	Nguyễn Thành Lợi	27/02/2006	C26TH	L	6.0	Sáu không	
21	2410010021	Nguyễn Phương Nam	21/08/2006	C26TH	Nam	7.0	Bảy không	
22	2410010031	Võ Thành Nghĩa	15/03/2006	C26TH	Ngh	6.0	Sáu không	
23	2410010038	Sơn Tôn Nguyên	04/09/2006	C26TH	N	6.0	Sáu không	
24	2410010042	Nguyễn Lê Hữu Nhân	01/06/2006	C26TH	Nhan	7.0	Bảy không	
25	2410010003	Lê Văn Nhật	08/12/2006	C26TH	Nhan	7.0	Bảy không	
26	2410010009	Trần Lê Kim Quyên	29/09/2006	C26TH	Quyên	8.0	Tám không	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410010023	Đình Văn	Quyên	03/06/2006	C26TH	<i>Quyên</i>	7.0	Bảy không	
28	2410010032	Nguyễn Thanh	Sang	14/08/2006	C26TH	<i>Sang</i>	8.0	Tám không	
29	2410010007	Ngự Trung	Toàn	12/11/2006	C26TH	<i>Toàn</i>	7.0	Bảy không	
30	2410010024	Nguyễn Tấn	Triết	16/06/2006	C26TH	<i>Triết</i>	7.0	Bảy không	
31	2410010040	Lê Công	Vinh	03/03/2006	C26TH	<i>Lê Công</i>	6.0	Sáu không	
32	2410010004	Võ Thành	Vinh	23/12/1993	C26TH	<i>Võ Thành</i>	9.0	Chín không	
33	2410010006	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	19/8/2006	C26TH	<i>Vy</i>	8.0	Tám không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 31 vắng thi: 02 . Số bài thi: 31 / _____.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG
PHÒNG
BẢO

Phạm Quang Cường

Ngày 10 tháng 10 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Thu

Tường Thị Ngọc Thu



PHÒNG KHẢO THÍ VÀ BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (CNTT) - MH1101073

Mã lớp học phần: 25111MH110107301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 22.9.2025 Giờ thi: 16 giờ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Trương Thị Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: Ký tên:

Giám thị 3: Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410170023	Hoàng Anh Duy	20/11/2006	C26TK1		5.0	Năm không	
2	2410170001	Nguyễn Duy Dương	06/9/2005	C26TK1		5.0	Năm không	
3	2410170010	Nguyễn Ngọc Hân	17/11/2006	C26TK1		7.0	Bảy không	
4	2410170005	Võ Thị Ngọc Hân	13/3/2006	C26TK1		6.0	Sáu không	
5	2410170025	Lê Đức Huy	12/04/2005	C26TK1		10.0	Mười không	
6	2410170014	Phạm Gia Hưng	21/07/2006	C26TK1		5.0	Năm không	
7	2410170002	Trần Thanh Khoa	29/10/2003	C26TK1		6.0	Sáu không	
8	2410170030	Nguyễn Anh Khôi	19/10/2006	C26TK1		5.0	Năm không	
9	2410170027	Quách Đăng Khôi	21/10/2006	C26TK1		5.0	Năm không	
10	2410170009	Tất Tịnh Nhi	25/05/2006	C26TK1		7.0	Bảy không	
11	2410170031	Lê Trương Thục Như	08/11/2006	C26TK1		7.0	Bảy không	
12	2410170029	Nguyễn Phụng Như	09/11/2006	C26TK1		5.0	Năm không	
13	2410170022	Nguyễn Thị Thúy Phượng	29/05/2006	C26TK1		7.0	Bảy không	
14	2410170007	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	02/7/2006	C26TK1		7.0	Bảy không	
15	2410170028	Nguyễn Minh Thiện	18/10/2006	C26TK1		5.0	Năm không	
16	2410170017	Lê Thị Ngọc Trâm	28/10/2006	C26TK1		8.0	Tám không	
17	2410170019	Nguyễn Thị Hồng Trâm	27/04/2006	C26TK1		6.0	Sáu không	
18	2410170026	Phùng Thị Tú Uyên	28/03/2006	C26TK1		5.0	Năm không	
19	2410030026	Lê Công Vinh	15/03/2006	C26TK1		6.0	Sáu không	
20	2410170011	Lê Hạ Vy	27/10/2006	C26TK1		6.0	Sáu không	
21	2410170008	Phan Thị Bảo Yến	25/04/2006	C26TK1		5.0	Năm không	
22	2410170004	Huỳnh Như Ý	04/02/2004	C26TK1		5.0	Năm không	
23	2410170024	Nguyễn Thị Như Ý	25/03/2006	C26TK1		6.0	Sáu không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 0 Số bài thi: 23 /

Ngày: 22 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Văn

Ngày: 25 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (CNTT) - MH1101073

Mã lớp học phần: 25111MH110107301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 6.10.2025 Giờ thi: 16 giờ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Trương TN Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410170023	Hoàng Anh Duy	20/11/2006	C26TK1	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu không	
2	2410170001	Nguyễn Duy Dương	06/9/2005	C26TK1	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy không	
3	2410170010	Nguyễn Ngọc Hân	17/11/2006	C26TK1	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy không	
4	2410170005	Võ Thị Ngọc Hân	13/3/2006	C26TK1	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy không	
5	2410170025	Lê Đức Huy	12/04/2005	C26TK1	<u>[Signature]</u>	10.0	Mười không	
6	2410170014	Phạm Gia Hưng	21/07/2006	C26TK1	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu không	
7	2410170002	Trần Thanh Khoa	29/10/2003	C26TK1	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy không	
8	2410170030	Nguyễn Anh Khôi	19/10/2006	C26TK1	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu không	
9	2410170027	Quách Đăng Khôi	21/10/2006	C26TK1	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy không	
10	2410170009	Tất Tịnh Nhi	25/05/2006	C26TK1	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy không	
11	2410170031	Lê Trương Thục Như	08/11/2006	C26TK1	<u>[Signature]</u>	8.0	Tám không	
12	2410170029	Nguyễn Phụng Như	09/11/2006	C26TK1	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu không	
13	2410170022	Nguyễn Thị Thúy Phượng	29/05/2006	C26TK1	<u>[Signature]</u>	9.0	Chín không	
14	2410170007	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	02/7/2006	C26TK1	<u>[Signature]</u>	8.5	Tám năm	
15	2410170028	Nguyễn Minh Thiện	18/10/2006	C26TK1	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu năm	
16	2410170017	Lê Thị Ngọc Trâm	28/10/2006	C26TK1	<u>[Signature]</u>	8.0	Tám không	
17	2410170019	Nguyễn Thị Hồng Trâm	27/04/2006	C26TK1	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy không	
18	2410170026	Phùng Thị Tú Uyên	28/03/2006	C26TK1	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu không	
19	2410030026	Lê Công Vinh	15/03/2006	C26TK1	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy không	
20	2410170011	Lê Hạ Vy	27/10/2006	C26TK1	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu năm	
21	2410170008	Phan Thị Bảo Yên	25/04/2006	C26TK1	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy không	
22	2410170004	Huỳnh Như Ý	04/02/2004	C26TK1	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu không	
23	2410170024	Nguyễn Thị Như Ý	25/03/2006	C26TK1	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 0 Số bài thi: 23 /

Ngày: 28 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature] Phạm Quang Cường

Ngày: 10 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature] Trương Thị Ngọc Thu

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QT

**PHÒNG KHẢO THI VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (CNTT) - MH1101073

Mã lớp học phần: 25111MH110107301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 22.9.2025 Giờ thi: 16 giờ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Trương TN Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410170044	Nguyễn Ngọc Minh Châu	26/04/2006	C26TK2	<u>Châu</u>	8.0	Tám không	
2	2410170055	Nguyễn Chí Duy	30/09/2006	C26TK2	<u>Duy</u>	5.0	Năm không	
3	2410170042	Nguyễn Hoàng Phương Đại	20/03/2006	C26TK2	<u>Đại</u>	9.0	chín không	
4	2410170033	Nguyễn Khải Huy	10/01/2006	C26TK2	<u>Huy</u>	6.0	Sáu không	
5	2410170036	Trần Gia Huy	28/10/2006	C26TK2	<u>Huy</u>	7.0	Bảy không	
6	2410170035	Đinh Gia Khang	13/06/2006	C26TK2	<u>Khang</u>	6.0	Sáu không	
7	2410170041	Nguyễn Đăng Khôi	10/02/2006	C26TK2	<u>Khôi</u>	9.0	chín không	
8	2410170037	Nguyễn Võ Thành Long	12/03/2005	C26TK2	<u>Long</u>	7.0	Bảy không	
9	2410170045	Mai Minh Ngọc Kim Ngân	06/11/2006	C26TK2	<u>Ngân</u>	7.5	Bảy năm	
10	2410170049	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	05/04/2006	C26TK2	<u>Ngân</u>	5.0	Năm không	
11	2410170046	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	11/08/2006	C26TK2	<u>Ngọc</u>	5.0	Năm không	
12	2410010034	Lê Thị Lan Nhi	19/08/2006	C26TK2	<u>VT</u>	VT	VT	
13	2410170038	Cao Trần Phát	25/03/2005	C26TK2	<u>Phát</u>	8.0	Tám không	
14	2410170032	Nguyễn Trần Kỳ Phong	21/05/2006	C26TK2	<u>Phong</u>	7.0	Bảy không	
15	2410170039	Nguyễn Hồ Thiên Phụng	26/11/2005	C26TK2	<u>Phụng</u>	5.0	Năm không	
16	2410170053	Huỳnh Văn Sơn	06/08/2005	C26TK2	<u>Sơn</u>	5.0	Năm không	
17	2410170051	Nguyễn Hữu Đức Thịnh	17/03/2005	C26TK2	<u>Thịnh</u>	6.0	Sáu không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 16 vắng thi: 01 Số bài thi: 16 / _____.

Ngày: 22 tháng 9 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Bảy

Ngày: 25 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Thu
Trương Thị Ngọc Thu



PHÒNG KHẢO THÍ BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (CNTT) - MH1101073

Mã lớp học phần: 25111MH110107301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 6.10.2025 Giờ thi: 16 giờ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Trương TN Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410170044	Nguyễn Ngọc Minh Châu	26/04/2006	C26TK2	<u>Châu</u>	8.0	Tám không	
2	2410170055	Nguyễn Chí Duy	30/09/2006	C26TK2	<u>Duy</u>	6.0	Sáu không	
3	2410170042	Nguyễn Hoàng Phương Đại	20/03/2006	C26TK2	<u>Đại</u>	7.0	Bảy không	
4	2410170033	Nguyễn Khải Huy	10/01/2006	C26TK2	<u>Huy</u>	7.0	Bảy không	
5	2410170036	Trần Gia Huy	28/10/2006	C26TK2	<u>Huy</u>	8.0	Tám không	
6	2410170035	Đinh Gia Khang	13/06/2006	C26TK2	<u>Khang</u>	7.0	Bảy không	
7	2410170041	Nguyễn Đăng Khôi	10/02/2006	C26TK2	<u>Khôi</u>	8.0	Tám không	
8	2410170037	Nguyễn Võ Thành Long	12/03/2005	C26TK2	<u>Long</u>	7.0	Bảy không	
9	2410170045	Mai Minh Ngọc Kim Ngân	06/11/2006	C26TK2	<u>Ngân</u>	8.0	Tám không	
10	2410170049	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	05/04/2006	C26TK2	<u>Ngân</u>	6.0	Sáu không	
11	2410170046	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	11/08/2006	C26TK2	<u>Ngọc</u>	6.0	Sáu không	
12	2410010034	Lê Thị Lan Nhi	19/08/2006	C26TK2	<u>VT</u>	VT	VT	
13	2410170038	Cao Trần Phát	25/03/2005	C26TK2	<u>Phát</u>	8.5	Tám năm	
14	2410170032	Nguyễn Trần Kỳ Phong	21/05/2006	C26TK2	<u>Phong</u>	8.0	Tám không	
15	2410170039	Nguyễn Hồ Thiên Phụng	26/11/2005	C26TK2	<u>Phụng</u>	7.0	Bảy không	
16	2410170053	Huỳnh Văn Sơn	06/08/2005	C26TK2	<u>Sơn</u>	8.0	Tám không	
17	2410170051	Nguyễn Hữu Đức Thịnh	17/03/2005	C26TK2	<u>Thịnh</u>	8.0	Tám không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 1 Số bài thi: 16 /

Ngày 27 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quỳ Lang

Ngày 10 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

**PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (CNTT) - MH1101073

Mã lớp học phần: 25111MH110107301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 22.9.2025 Giờ thi: 16 giờ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Trương Thị Ngọc Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Danh	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310010101	Lê Quang	Danh	27/10/2005	C25TH3	<u>Danh</u>	6.0	Sau không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi: 1 / _____.

Ngày: 22 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Bảy

Ngày: 25 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Thu
Trương Thị Ngọc Thu



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (CNTT) - MH1101073

Mã lớp học phần: 25111MH110107301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 6.10.2025 Giờ thi: 16 giờ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Trương TN Thu (Ký tên: Thu)

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310010101	Lê Quang Danh	27/10/2005	C25TH3	<u>Danh</u>	7.0	<u>Bảy không</u>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 1 vắng thi: 0 Số bài thi: 1 / _____.

Ngày: 07 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Bảy

Ngày: 10 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Thu
Trương T. Ngọc Thu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG KHẢO BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (CNTT) - MH1101073

Mã lớp học phần: 25111MH110107301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 22.9.2025 Giờ thi: 16 giờ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Trương TN Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210010108	Trần Huê	14/12/2002	C24TH3	<u>Thu</u>	5.0	Năm không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi: 1 / _____.

Ngày: 22 tháng 10 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Cường

Ngày: 25 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (CNTT) - MH1101073

Mã lớp học phần: 25111MH110107301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 6.10.2025 Giờ thi: 16 giờ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Trương Thị Ngọc Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210010108	Trần Huê	14/12/2002	C24TH3	<u>C</u>	50	Năm không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi: 1 / 1 .

Ngày: 07 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Khánh

Ngày: 10 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Thu
Trương Thị Ngọc Thu



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (CNTT) - MH1101073

Mã lớp học phần: 25111MH110107301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 22/9/2025 Giờ thi: 16 giờ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Trương TN Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210010128	Nguyễn Quang Thái	18/05/2004	C24TH4	VT	VT	VT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 0 vắng thi: 1 . Số bài thi: 0 / _____.

Ngày: 22 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Cường

Ngày: 25 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (CNTT) - MH1101073

Mã lớp học phần: 25111MH110107301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 6.10.2025 Giờ thi: 16 giờ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Trương TN Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210010128	Nguyễn Quang Thái	18/05/2004	C24TH4	<u>VT</u>	<u>VT</u>	<u>VT</u>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 0 vắng thi: 1 Số bài thi: 0 / _____.

Ngày 09 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Hải

Ngày 10 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ &
TRƯỜNG QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (CNTT) - MH1101073

Giám thị 1: Lê Trung San

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25111MH110107301 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Nguyễn Tiến Dũng

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 13/11/2025 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410170044	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	26/04/2006					C26TK2	
2	2410170023	Hoàng Anh	Duy	20/11/2006					C26TK1	
3	2410170055	Nguyễn Chí	Duy	30/09/2006					C26TK2	
4	2410170001	Nguyễn Duy	Dương	06/9/2005					C26TK1	
5	2410170042	Nguyễn Hoàng Phương	Đại	20/03/2006					C26TK2	
6	2410170010	Nguyễn Ngọc	Hân	17/11/2006					C26TK1	
7	2410170005	Võ Thị Ngọc	Hân	13/3/2006					C26TK1	
8	2410170033	Nguyễn Khải	Huy	10/01/2006					C26TK2	
9	2410170036	Trần Gia	Huy	28/10/2006					C26TK2	
10	2410170014	Phạm Gia	Hung	21/07/2006					C26TK1	✓
11	2410170035	Đinh Gia	Khang	13/06/2006					C26TK2	
12	2410170002	Trần Thanh	Khoa	29/10/2003					C26TK1	
13	2410170030	Nguyễn Anh	Khôi	19/10/2006					C26TK1	
14	2410170041	Nguyễn Đăng	Khôi	10/02/2006					C26TK2	
15	2410170027	Quách Đăng	Khôi	21/10/2006					C26TK1	
16	2410170037	Nguyễn Võ Thành	Long	12/03/2005					C26TK2	
17	2410170045	Mai Minh Ngọc Kim	Ngân	06/11/2006					C26TK2	
18	2410170049	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	05/04/2006					C26TK2	
19	2410170046	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	11/08/2006					C26TK2	
20	2410170009	Tất Tịnh	Nhi	25/05/2006					C26TK1	
21	2410170031	Lê Trương Thục	Như	08/11/2006					C26TK1	
22	2410170029	Nguyễn Phụng	Như	09/11/2006					C26TK1	
23	2410170038	Cao Trần	Phát	25/03/2005					C26TK2	
24	2410170032	Nguyễn Trần Kỳ	Phong	21/05/2006					C26TK2	
25	2410170039	Nguyễn Hồ Thiên	Phụng	26/11/2005					C26TK2	
26	2410170022	Nguyễn Thị Thúy	Phượng	29/05/2006					C26TK1	
27	2410170007	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	02/7/2006					C26TK1	
28	2410170053	Huỳnh Văn	Sơn	06/08/2005					C26TK2	
29	2410170028	Nguyễn Minh	Thiện	18/10/2006					C26TK1	
30	2410170051	Nguyễn Hữu Đức	Thịnh	17/03/2005					C26TK2	
31	2410170017	Lê Thị Ngọc	Trâm	28/10/2006					C26TK1	
32	2410170019	Nguyễn Thị Hồng	Trâm	27/04/2006					C26TK1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2410030026	Lê Công Vinh	15/03/2006					C26TK1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 32 vắng thi: 01 . Số bài thi/Số tờ: 1 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 25 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Quang Cường

Ngày 17 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Tương Thu' Ngọc Thu



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 1 - Năm học 2025-2026

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành (CNTT)

Mã bài thi: SD29FZ

Thời gian thi: 13/11/2025 15:15:00

Thời gian kết thúc: 13/11/2025 16:15:00

Giám thị 1: Lê Văn Sơn Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Nguyễn Văn Dũng Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410170044	Nguyễn Ngọc Minh Châu	26/04/2006	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TK2	
2	2410170042	Nguyễn Hoàng Phương Đại	20/03/2006	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C26TK2	
3	2410170001	Nguyễn Duy Dương	06/09/2005	<u>[Signature]</u>	4.4	Bốn, bốn	C26TK1	
4	2410170023	Hoàng Anh Duy	20/11/2006	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TK1	
5	2410170055	Nguyễn Chí Duy	30/09/2006	<u>[Signature]</u>	4.6	Bốn, sáu	C26TK2	
6	2410170005	Võ Thị Ngọc Hân	13/03/2006	<u>[Signature]</u>	3.6	Ba, sáu	C26TK1	
7	2410170010	Nguyễn Ngọc Hân	17/11/2006	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C26TK1	
8	2410170033	Nguyễn Khải Huy	10/01/2006	<u>[Signature]</u>	2.8	Hai, tám	C26TK2	
9	2410170036	Trần Gia Huy	28/10/2006	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C26TK2	
10	2410170035	Đinh Gia Khang	13/06/2006	<u>[Signature]</u>	4.8	Bốn, tám	C26TK2	
11	2410170002	Trần Thanh Khoa	29/10/2003	<u>[Signature]</u>	3.8	Ba, tám	C26TK1	
12	2410170030	Nguyễn Anh Khôi	19/10/2006	<u>[Signature]</u>	3.4	Ba, bốn	C26TK1	
13	2410170027	Quách Đăng Khôi	21/10/2006	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C26TK1	
14	2410170041	Nguyễn Đăng Khôi	10/02/2006	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C26TK2	
15	2410170037	Nguyễn Võ Thành Long	12/03/2005	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C26TK2	
16	2410170045	Mai Minh Ngọc Kim Ngân	06/11/2006	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C26TK2	
17	2410170049	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	05/04/2006	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26TK2	
18	2410170046	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	11/08/2006	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C26TK2	
19	2410170009	Tất Tịnh Nhi	25/05/2006	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C26TK1	
20	2410170029	Nguyễn Phụng Như	09/11/2006	<u>[Signature]</u>	4.4	Bốn, bốn	C26TK1	
21	2410170031	Lê Trương Thục Như	08/11/2006	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C26TK1	
22	2410170038	Cao Trần Phát	25/03/2005	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TK2	
23	2410170032	Nguyễn Trần Kỳ Phong	21/05/2006	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C26TK2	
24	2410170039	Nguyễn Hồ Thiên Phụng	26/11/2005	<u>[Signature]</u>	3.4	Ba, bốn	C26TK2	
25	2410170022	Nguyễn Thị Thúy Phụng	29/05/2006	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C26TK1	
26	2410170007	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	02/07/2006	<u>[Signature]</u>	3.4	Ba, bốn	C26TK1	
27	2410170053	Huỳnh Văn Sơn	06/08/2005	<u>[Signature]</u>	4.2	Bốn, hai	C26TK2	
28	2410170028	Nguyễn Minh Thiện	18/10/2006	<u>[Signature]</u>	4	Bốn	C26TK1	
29	2410170051	Nguyễn Hữu Đức Thịnh	17/03/2005	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C26TK2	
30	2410170017	Lê Thị Ngọc Trâm	28/10/2006	<u>[Signature]</u>	3.4	Ba, bốn	C26TK1	
31	2410170019	Nguyễn Thị Hồng Trâm	27/04/2006	<u>[Signature]</u>	3	Ba	C26TK1	
32	2410030026	Lê Công Vinh	15/03/2006	<u>[Signature]</u>	2.6	Hai, sáu	C26TK1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 32

Số sinh viên đạt: 23

Ngày 25 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 17 tháng 11 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QTDN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

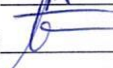
Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (CNTT) - MH1101073

Giám thị 1: Cao Thế Oanh

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25111MH110107301 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Đào Thị Hồng Hạnh

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 13/11/2025

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410010039	Dương Nguyễn Quốc Anh	08/06/2006	Anh				C26TH	
2	2410010041	Nguyễn Chí Bảo	02/09/2006	Bao				C26TH	
3	2410010017	Nguyễn Gia Bảo	05/12/2006	Bao				C26TH	
4	2410010025	Trần Nhật Bằng	11/01/2005	Bang				C26TH	
5	2410010045	Lâm Chí Cường	09/01/2006	Cuong				C26TH	
6	2310010101	Lê Quang Danh	27/10/2005	Danh				C25TH3	
7	2410010015	Nguyễn Huỳnh Anh Duy	10/12/2004	Duy				C26TH	
8	2410010016	Phạm Minh Duy	07/02/2006	Duy				C26TH	
9	2410010044	Nguyễn Thành Đạt	12/12/2004	Dat				C26TH	
10	2410010035	Trần Nguyễn Phúc Hậu	04/11/1995	Hau				C26TH	
11	2410010011	Hồ Văn Hoành	31/05/2006	Hanh				C26TH	
12	2410170025	Lê Đức Huy	12/04/2005	Huy				C26TK1	
13	2410010028	Châu Gia Khang	29/06/2006	Khang				C26TH	
14	2410010008	Nguyễn Duy Khang	01/12/2004	Khang				C26TH	
15	2410010018	Võ Hoàng Khải	30/05/2006	Khai				C26TH	
16	2410010029	Huỳnh Anh Kiệt	03/11/2006	Kiet				C26TH	
17	2410010036	Nguyễn Thành Lợi	27/02/2006	Loi				C26TH	
18	2410010021	Nguyễn Phương Nam	21/08/2006	Nam				C26TH	
19	2410010031	Võ Thành Nghĩa	15/03/2006	Nghia				C26TH	
20	2410010038	Sơn Tôn Nguyên	04/09/2006	Nguyen				C26TH	
21	2410010042	Nguyễn Lê Hữu Nhân	01/06/2006	Nhan				C26TH	
22	2410010003	Lê Văn Nhật	08/12/2006	Nhat				C26TH	
23	2410010009	Trần Lê Kim Quyên	29/09/2006	Quyên				C26TH	
24	2410010023	Đinh Văn Quyền	03/06/2006	Quyên				C26TH	
25	2410010032	Nguyễn Thanh Sang	14/08/2006	Sang				C26TH	
26	2410010007	Ngự Trung Toàn	12/11/2006	Toan				C26TH	
27	2410010004	Võ Thành Vinh	23/12/1993	Vinh				C26TH	
28	2410170011	Lê Hạ Vy	27/10/2006	Vy				C26TK1	
29	2410010006	Nguyễn Ngọc Phương Vy	19/8/2006	Vy				C26TH	
30	2410170008	Phan Thị Bảo Yến	25/04/2006	Yen				C26TK1	
31	2410170004	Huỳnh Như Ý	04/02/2004	Yen				C26TK1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
32	2410170024	Nguyễn Thị Như Ý	25/03/2006	Như Ý				C26TK1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 32 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 32 / 32 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 25 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Duy Cường

Ngày 17 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Ngọc Thu



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 1 - Năm học 2025-2026

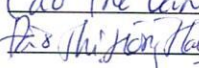
Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành (CNTT)

Mã bài thi: N27HZF

Thời gian thi: 13/11/2025 15:15:00

Thời gian kết thúc: 13/11/2025 16:15:00

Giám thị 1: Cao Thế Anh Ký tên: 

Giám thị 2:  Ký tên: 

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410010039	Dương Nguyễn Quốc Anh	08/06/2006		6.8	Sáu, tám	C26TH	
2	2410010025	Trần Nhật Bằng	11/01/2005		7.4	Bảy, bốn	C26TH	
3	2410010017	Nguyễn Gia Bảo	05/12/2006		4.8	Bốn, tám	C26TH	
4	2410010041	Nguyễn Chí Bảo	02/09/2006		6.2	Sáu, hai	C26TH	
5	2410010045	Lâm Chí Cường	09/01/2006		8.6	Tám, sáu	C26TH	
6	2310010101	Lê Quang Danh	27/10/2005		5	Năm	C25TH3	
7	2410010044	Nguyễn Thành Đạt	12/12/2004		5	Năm	C26TH	
8	2410010015	Nguyễn Huỳnh Anh Duy	10/12/2004		5.4	Năm, bốn	C26TH	
9	2410010016	Phạm Minh Duy	07/02/2006		6	Sáu	C26TH	
10	2410010035	Trần Nguyễn Phúc Hậu	04/11/1995		4.6	Bốn, sáu	C26TH	
11	2410010011	Hồ Văn Hoàn	31/05/2006		7	Bảy	C26TH	
12	2410170025	Lê Đức Huy	12/04/2005		8.4	Tám, bốn	C26TK1	
13	2410010018	Võ Hoàng Khải	30/05/2006		5	Năm	C26TH	
14	2410010028	Châu Gia Khang	29/06/2006		3.4	Ba, bốn	C26TH	
15	2410010008	Nguyễn Duy Khang	01/12/2004		6.6	Sáu, sáu	C26TH	
16	2410010029	Huỳnh Anh Kiệt	03/11/2006		4.8	Bốn, tám	C26TH	
17	2410010036	Nguyễn Thành Lợi	27/02/2006		3.8	Ba, tám	C26TH	
18	2410010021	Nguyễn Phương Nam	21/08/2006		4.2	Bốn, hai	C26TH	
19	2410010031	Võ Thành Nghĩa	15/03/2006		2.8	Hai, tám	C26TH	
20	2410010038	Sơn Tôn Nguyên	04/09/2006		4.4	Bốn, bốn	C26TH	
21	2410010042	Nguyễn Lê Hữu Nhân	01/06/2006		3	Ba	C26TH	
22	2410010003	Lê Văn Nhật	08/12/2006		5	Năm	C26TH	
23	2410010009	Trần Lê Kim Quyên	29/09/2006		4.4	Bốn, bốn	C26TH	
24	2410010023	Đinh Văn Quyền	03/06/2006		3.8	Ba, tám	C26TH	
25	2410010032	Nguyễn Thanh Sang	14/08/2006		5.4	Năm, bốn	C26TH	
26	2410010007	Ngự Trung Toàn	12/11/2006		4.8	Bốn, tám	C26TH	
27	2410010004	Võ Thành Vinh	23/12/1993		5.4	Năm, bốn	C26TH	
28	2410010006	Nguyễn Ngọc Phương Vy	19/08/2006		4.6	Bốn, sáu	C26TH	
29	2410170011	Lê Hạ Vy	27/10/2006		5.6	Năm, sáu	C26TK1	
30	2410170024	Nguyễn Thị Như Ý	25/03/2006		2.8	Hai, tám	C26TK1	
31	2410170004	Huỳnh Như Ý	04/02/2004		2.8	Hai, tám	C26TK1	
32	2410170008	Phan Thị Bảo Yến	25/04/2006		5	Năm	C26TK1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 32

Số sinh viên đạt: 25

Ngày 25 tháng 11 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Quang Cường

Ngày 17 tháng 11 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Ngọc Thu